

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	4
Điều 3. Định nghĩa và giải thích	4
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	6
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	9
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 12. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 13. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	18
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	18
Điều 16. Các tiểu ban và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị	20
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	21
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	24
Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	25
Điều 20. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	25
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	26
Điều 21. Trình báo cáo hằng năm	26
Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan	27
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 24. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	28
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	28

Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.....	29
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	29
Điều 28. Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Hiệu lực thi hành.....	Error! Bookmark not defined.

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả thông qua theo Quyết định số 03/2021/QĐ-DHĐCD ngày 26/4/2021.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, các mối quan hệ công tác giữa các thành viên Hội đồng quản trị nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Định nghĩa và giải thích

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “**Công ty**” là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ;
 - b) “**Quy chế**” là Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - c) “**Điều lệ Công ty**” là Điều lệ của Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - d) “**Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - e) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

- f) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- g) “**Cổ đông**” nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (*một*) cổ phần của Công ty;
- h) “**Đại hội đồng cổ đông**” nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
- i) “**Hội đồng quản trị**” nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- j) “**Ban Kiểm soát**” nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty;
- k) “**Người quản lý Công ty**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- l) “**Người điều hành Công ty**” là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty và các chức danh tương đương trở lên của Công ty;
- m) “**Người nội bộ của Công ty**” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm:
- (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - (iii) Tổng Giám đốc;
 - (iv) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - (v) Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - (vi) Thư ký Công ty;
 - (vii) Người phụ trách quản trị Công ty;
 - (viii) Người được ủy quyền công bố thông tin.
- n) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm:
- (i) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - (ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (*mười phần trăm*) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - (v) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- (vi) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- (vii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- o) **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh tương đương trở lên của Công ty;
- p) **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là thành viên Hội đồng quản trị có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - (i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - (ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - (iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
- 2. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào ban hành (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tùy từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
- 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Quy chế này.
- 4. Các từ ngữ được quy định tại Quy chế này mà không được định nghĩa hoặc giải thích tại Điều này (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) có ý nghĩa tương tự như trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm các đại diện được ủy quyền thay thế, được hưởng thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với công việc mình đảm nhiệm. Thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định pháp luật khác liên quan, được thể hiện chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc một số lĩnh vực theo quyết định phân công bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc khi được yêu cầu.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, người quản lý, điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định, quy chế của Công ty.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 07 (*bảy*) đến 09 (*chín*) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, quản trị doanh nghiệp và lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 (*hai*) thành viên độc lập Hội đồng quản trị và tối thiểu 1/3 (*một phần ba*) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (*năm*) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (*hai*) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
5. Số lượng, quyền và nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 (*năm*) công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật.

- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
- 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
- 4. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc người quản lý, điều hành Công ty khác chuẩn bị các tài liệu, báo cáo cho cuộc họp đó nếu xét thấy cần thiết. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm, Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và

các báo cáo giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Chỉ đạo, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;
 - f) Quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng Quản trị; quyết định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng quản trị, quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập và các vấn đề khác đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị;
 - g) Đảm bảo việc trao đổi thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động độc lập, hiệu quả và thiết lập những mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý, bao gồm trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo ủy quyền/phân công của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Điều lệ Công ty.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bầu từ 01 (*một*) đến 02 (*hai*) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị tùy vào nhu cầu tại từng thời điểm.
- a) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định, quyết định, phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.
 - b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Quy chế này;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và/hoặc không tham gia các hoạt động khác của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (*sáu*) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Khi thành viên Hội đồng quản trị có một hoặc một số hành vi sau:

- (i) Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông.
 - (ii) Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một hoặc nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông.
 - (iii) Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như: cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị dù được triệu tập hợp lệ, từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng quản trị phân công, giao nhiệm vụ, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ Công ty và/hoặc có hành vi làm phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty.
 - (iv) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác; giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
 - (v) Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá $\frac{1}{3}$ (*một phần ba*) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (*sáu mươi*) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá $\frac{1}{3}$ (*một phần ba*);
 - b) Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người đề bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người đề bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông có thể tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc hợp thành nhóm cổ đông này phải được thông báo cho Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử, đồng thời, phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tại Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác, bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty trong trường hợp ứng cử viên đó đang làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và ngân sách hàng năm cho năm tiếp theo. Trong thời gian từ khi kết thúc kế hoạch hoạt động của năm trước cho đến thời điểm kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch tài chính và ngân sách cho năm tiếp theo được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty thực hiện theo kế hoạch kinh doanh, tài chính và ngân sách tạm thời do Hội đồng quản trị phê duyệt nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty;
 - c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật; quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán

- chuyển đổi thuộc thẩm quyền và trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- e) Thực hiện định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - f) Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - g) Kiến nghị mức cổ tức được trả trình Đại hội đồng cổ đông quyết định; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - h) Kiến nghị việc tái cơ cấu, tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - i) Quyết định việc Công ty mua lại không quá 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (*mười hai*) tháng và mức giá mua đối với số cổ phần này theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - j) Liên đới chịu trách nhiệm về việc thu hồi việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;
 - l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - m) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; quyết định chủ trương khảo sát, nghiên cứu để đầu tư, lựa chọn tổ chức lập dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - n) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
 - o) Quyết định đầu tư, mua sắm, cho thuê, bồi thường, bán, thanh lý tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;
 - q) Quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- r) Quyết định các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - s) Cử người đại diện và quản lý phần vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp mà Công ty đầu tư vốn, đồng thời quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - t) Quyết định việc sử dụng các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng của Công ty;
 - u) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của các nhân sự do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - v) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và chỉ đạo này của Hội đồng quản trị;
 - w) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hằng năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông thì những báo cáo này bị coi là không có giá trị;
 - x) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - y) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin và các quy chế nội bộ khác của Công ty;
 - z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
3. Hội đồng quản trị và các đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các trách nhiệm sau đây:
- a) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
 - b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - c) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

- e) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - f) Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
- a) Đánh giá hoạt động và tình hình quản trị Công ty trong năm tài chính;
 - b) Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - e) Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - f) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
 - h) Kết quả giám sát đối với các người điều hành Công ty khác;
 - i) Các kế hoạch trong tương lai.
5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể tham vấn, thuê hoặc sử dụng các chuyên gia, cố vấn, tư vấn bên ngoài để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ, công việc của mình tùy theo vụ việc. Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định, quy chế của Công ty và chịu trách nhiệm về việc thuê hoặc sử dụng chuyên gia, cố vấn, tư vấn bên ngoài khi giải quyết công việc của mình.
6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (*một*) phiếu biểu quyết. Các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết hoặc quyết định.
7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:
 - (i) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - (ii) Doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết khi Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến thông qua hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp

- luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá $\frac{1}{3}$ (*một phần ba*) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;
- c) Bảng cân đối kế toán hằng năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm một nửa ($\frac{1}{2}$) so với số đầu kỳ;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này.
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập trong thời hạn không quá 05 (*năm*) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (*hai mươi*) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các tiểu ban và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị

1. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc.
 - b) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ theo yêu cầu của tình hình quản trị Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - c) Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 (ba) người gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
 - e) Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định, quy chế khác của Công ty và quy định của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao.
 - f) Nghị quyết, quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
 - g) Hành động thực thi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - h) Thành viên Hội đồng quản trị trực thuộc các tiểu ban có thể được hưởng một mức thù lao, tiền lương nhất định phụ thuộc vào tính chất và khối lượng công việc của mỗi tiểu ban và do Hội đồng quản trị quyết định.
 - i) Các thành viên bên ngoài làm việc trong các tiểu ban của Hội đồng quản trị được trả thù lao, tiền lương theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ hoặc các hình thức thỏa thuận khác với điều kiện phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi Tổng Giám đốc thực hiện ký kết hợp đồng với các nhân sự này.
2. Các đơn vị, nhân sự khác trực thuộc Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị được quyền thành lập các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc khác ngoài các tiểu ban quy định tại khoản 1 Điều này và được phép ủy quyền cho các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc đó thực hiện một phần các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b) Hội đồng quản trị được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc nêu tại khoản này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, quyết định thu nhập đối với nhân sự làm việc tại các bộ phận này.

- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị; quyết định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị, quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập và các vấn đề liên quan khác đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị.
- d) Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty và quyết định các vấn đề có liên quan đến các đối tượng này theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty và của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 2. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi xét thấy cần thiết hoặc có đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Ban Kiểm soát;
 - e) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.
- 5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó phải các nội dung: Họ tên, chức vụ của người đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị, mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; chữ ký của người đề nghị.
- 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

người đề nghị tổ chức họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định tại cuộc họp. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
8. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kèm theo thông báo mời họp hoặc gửi ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
9. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quy định và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền từ chối nhận thông báo mời họp Hội đồng quản trị và việc từ chối này phải thể hiện bằng văn bản, thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác đảm bảo đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp này được xem như người triệu tập họp Hội đồng quản trị đã gửi thông báo mời họp đúng theo quy định và thành viên Hội đồng quản trị đó không tham dự họp Hội đồng quản trị, trừ khi thành viên Hội đồng quản trị đó tham gia họp Hội đồng quản trị theo thông báo mời họp hoặc có văn bản hủy bỏ văn bản từ chối nhận thông báo mời họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng quản trị và ghi vào Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.
11. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp, kể cả người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì thi được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy)

ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng quản trị triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp, kể cả người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

13. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
15. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
16. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch hoặc các nội dung khác mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu có mặt để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
17. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác phù hợp với điều kiện kỹ thuật công nghệ hiện đại của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp và việc tổ chức họp Hội đồng quản trị theo các hình thức này là thuận lợi hơn cho thành viên Hội đồng quản trị so với hình thức họp trực tiếp với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời mà không cần một thành viên nào phải có mặt trước các thành viên khác. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này.

Địa điểm họp Hội đồng quản trị được tổ chức theo quy định tại khoản này do Chủ tọa quyết định và được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị được xác định là tham gia cuộc họp khi có sự xác nhận của thành viên hoặc người đại diện theo quyền của thành viên đó bằng cách phát biểu hoặc các hình thức điểm danh họp lệ khác theo yêu cầu của chủ tọa trước khi tiến hành cuộc họp.

Thê thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Hội đồng quản trị thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

18. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng và đảm bảo các nội dung sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
 - j) Họ, tên, chữ ký từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp;
 - k) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Biên bản được coi là hợp lệ trong trường hợp biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tham gia cuộc họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ điểm i khoản 1 Điều này, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp và Hội đồng quản trị cử 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác ký ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Việc thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng từ chối ký biên bản họp không làm miễn trừ các nghĩa vụ liên quan mà thành viên đó đã tham gia biểu quyết. Đồng thời, việc từ chối xác nhận về sự tham gia và thực hiện nghĩa vụ của mình tại cuộc họp hoặc các nghĩa vụ của Hội đồng quản trị là cơ sở để Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách của thành viên này.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Cách thức tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, kiểm phiếu, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các vấn đề khác liên quan đến việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của Hội đồng quản trị.
3. Nội dung được đa số thành viên biểu quyết tán thành tại biên bản kiểm phiếu phải được lập thành nghị quyết, quyết định thông qua. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị quyết định ban hành quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối

bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:
 - a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, thời điểm có hiệu lực của nghị quyết, quyết định đó là thời điểm nghị quyết, quyết định được thông qua.
 - b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày công. Hội đồng quản trị dự tính



- mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thường của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định pháp luật khác liên quan, được thể hiện chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần hoặc lương riêng độc lập hoặc phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác đối với chức vụ hoặc công việc đó theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty và đặt lợi ích Công ty lên ưu tiên trước nhất;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Các nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị ban hành hoặc thông qua đã có hiệu lực phải được triển khai thi hành theo đúng thời gian và nội dung quy định trong nghị quyết, quyết định đó. Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm trong việc giám sát, kiểm tra và chỉ đạo triển khai các nghị quyết, quyết định của mình đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và vì lợi ích của nhất của Công ty.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các công việc theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế nội bộ khác. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với

pháp luật hiện hành thì Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh nghị quyết, quyết định đó.

3. Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty để triển khai thi hành, thực hiện các chủ trương, đề án, kế hoạch, nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo thẩm quyền.
4. Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có vấn đề hoặc nguy cơ có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin khác đảm bảo đến với Hội đồng quản trị một cách nhanh nhất để có biện pháp xử lý.
5. Tại các cuộc họp của Ban Điều hành Công ty, Tổng Giám đốc căn cứ vào tính chất, nội dung cuộc họp để thông báo mời đại diện Hội đồng quản trị tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Hội đồng quản trị có quyền cử đại diện tham gia các cuộc họp của Công ty theo thông báo mời họp hoặc khi xét thấy cần thiết.

Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập, phối hợp chặt chẽ và liên tục, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Các nghị quyết, quyết định, báo cáo và các văn bản khác của Hội đồng quản trị ban hành hoặc thông qua phải được gửi cho thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo đầy đủ và kịp thời. Hội đồng quản trị phải cung cấp thông tin, gửi các nghị quyết, quyết định, báo cáo và các tài liệu, hồ sơ khác cho thành viên Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.
3. Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý Công ty khác vi phạm pháp luật, Điều lệ, quy định, quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị phải chỉ đạo xử lý, giải quyết ngay vấn đề theo thông báo, phản ánh của Ban Kiểm soát và thông báo kết quả xử lý, giải quyết cho Ban Kiểm soát.
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời các vấn đề được nêu trong các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền đưa ra ý kiến về các vấn đề mà Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện, khi xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 (bảy) Chương và 29 (hai mươi chín) Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chưa được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trái với quy định tại của pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty thì quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Quy chế này được lập thành 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

